

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Bùi Thị Tâm¹ Nguyễn Thị Ánh Mai¹

Ngày nhận bài: 20/7/2023; Ngày phản biện thông qua: 17/9/2023; Ngày duyệt đăng: 01/10/2023

TÓM TẮT

Tích hợp là một trong những yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Theo đó, năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cũng là kỹ năng quan trọng của sinh viên sư phạm nói chung và sinh viên ngành Giáo dục tiểu học nói riêng. Với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo ngành Giáo dục tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Chúng tôi đã khảo sát 220 sinh viên thuộc chuyên ngành Giáo dục tiểu học, Giáo dục tiểu học tiếng Jrai và 30 giảng viên giảng dạy các học phần chuyên ngành thuộc Chương trình đào tạo để tìm hiểu năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp. Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên và giảng viên đã nhận thức được sự cần thiết phải dạy học tích hợp. Tuy nhiên mức độ thực hiện việc thiết kế và sử dụng còn ở mức trung bình. Việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp đã được quan tâm nhưng chưa thực sự hiệu quả... Đây là thông tin quan trọng làm căn cứ để chúng tôi đề xuất biện pháp rèn luyện và nâng cao năng lực này cho sinh viên trong các nghiên cứu tiếp theo.

Từ khóa: tích hợp, dạy học tích hợp, thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp, dạy học tích hợp ở tiểu học.

1. MỞ ĐẦU

Dạy học tích hợp (DHTH) là xu hướng dạy học được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm, nhất là sau Chiến tranh thế giới lần thứ 2. Theo thống kê của UNESCO (Nguyễn Thúy Hồng & Cao Thị Thặng, 2003; UNESCO, 1973) từ năm 1960 đến năm 1974 đã có 208/392 chương trình môn khoa học đã được điều tra thể hiện quan điểm tích hợp ở các mức độ khác nhau, từ liên môn, kết hợp đến tích hợp hoàn toàn theo những chủ đề. Từ năm 1980 đến đầu thập niên 1990, tích hợp được hiểu như một khái niệm khoa học đầy đủ trong giáo dục, với bối cảnh phát triển mạnh mẽ về kinh tế, chính trị, khoa học, văn hóa... của thế giới. Ở Việt Nam, ngay từ thời Pháp thuộc, tư tưởng tích hợp đã được thể hiện rõ nhất ở môn “Cách trí” (dạy về cấu tạo cơ thể người, vệ sinh cơ thể người, môi trường và thiên nhiên), sau đổi thành môn “Khoa học thường thức”. Từ những năm 1981 - 1982, môn “Tìm hiểu Tự nhiên và Xã hội” được nghiên cứu xây dựng theo quan điểm tích hợp và đưa vào dạy học (DH) ở trường tiểu học. Trong chương trình năm 2000, quan điểm tích hợp đã được thể hiện trong chương trình, sách giáo khoa và các hoạt động DH ở tiểu học, cụ thể các kiến thức về địa lí, lịch sử, khoa học tự nhiên được tích hợp trong môn Tự nhiên – Xã hội. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp trên và được xem như yêu cầu bắt buộc để thực hiện mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Thiết kế và sử dụng các chủ đề tích hợp trong

DH ở tiểu học là một trong những năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học. Để đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành giáo dục tiểu học và yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục tiểu học, các trường đại học cần phải chú ý hình thành, bồi dưỡng, nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục tiểu học (GDTH). Để thực hiện được điều đó, hầu hết các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học đều có trách nhiệm rèn luyện cho SV kỹ năng lựa chọn chủ đề/nội dung tích hợp, kỹ năng thiết kế bài dạy theo hướng tích hợp, kỹ năng tổ chức dạy học tích hợp trên lớp...

Ở Trường Đại học Tây Nguyên, giảng viên dạy các học phần chuyên ngành đã bắt đầu quan tâm đến việc hình thành, bồi dưỡng và nâng cao năng lực DHTH cho SV sư phạm theo từng khía cạnh, mức độ, bình diện khác nhau. Tuy nhiên, các công trình còn tản mạn và thuộc các chuyên ngành đào tạo khác nhau. Bởi vậy, việc xác định mức độ thực hiện thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV ngành Giáo dục tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên là điều cần thiết.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Trong bài viết này, chúng tôi trình bày các nội dung cụ thể như sau:

- Các khái niệm công cụ: khái niệm tích hợp, dạy học tích hợp, năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp.

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên

Tác giả liên hệ: Bùi Thị Tâm; ĐT: 0904471847; Email: bttam@ttn.edu.vn.

- Các thành phần của năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp.

- Thực trạng nhận thức của giảng viên (GV) và SV về sự cần thiết phải DHTH; Thực trạng năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV; thực trạng rèn luyện năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV; hiệu quả của chương trình đào tạo và những yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ những nội dung trên chúng tôi sử dụng phương pháp sau:

- Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu liên quan đến bài viết: Đó là các công trình, bài viết về dạy học tích hợp, dạy học theo chủ đề, dạy học theo dự án, định hướng giáo dục STEM...

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Điều tra tổng thể 220 sinh viên chuyên ngành Giáo dục tiểu học và Giáo dục tiểu học tiếng Jrai và 30 giảng viên giảng dạy các học phần chuyên ngành về các vấn đề: nhận thức của giảng viên (GV) và SV về sự cần thiết phải DHTH; mức độ thực hiện thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV; thực trạng rèn luyện kỹ năng thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV; hiệu quả của chương trình đào tạo và những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV. Thời gian khảo sát tháng 3 đến tháng 4 năm 2023.

- Phương pháp phỏng vấn: phỏng vấn SV, GV tham gia dạy các học phần chuyên ngành mục đích là tìm hiểu kỹ hơn cho những kết quả thu được từ bảng hỏi nhằm làm rõ thực trạng.

- Phương pháp thống kê toán học: Phương pháp thống kê được sử dụng để xử lý, phân tích kết quả điều tra, khảo sát kỹ năng thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên. Số liệu được thu thập được xử lý bằng phần mềm IBM SPSS 20 (Statistical Package for the Social Sciences). Thực hiện các thống kê mô tả với các thông số cơ bản gồm: giá trị trung bình (mean), độ lệch chuẩn (SD)...

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Các khái niệm

3.1.1. Khái niệm tích hợp

Theo Từ điển giáo dục học (Nguyễn Văn Giao và cộng sự, 2012): “Tích hợp là hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch DH”.

3.1.2. Dạy học tích hợp

DHTH có thể hiểu là một định hướng DH trong đó giáo viên tổ chức, hướng dẫn để học sinh biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết các nhiệm vụ

học tập thông qua đó hình thành những kiến thức, kỹ năng mới và phát triển được những năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

3.1.3. Chủ đề tích hợp

Theo Đinh Thị Xuân Thảo (2020) Chủ đề tích hợp là chủ đề dạy học có nội dung tích hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học cụ thể trong chương trình DH. Dạy học chủ đề tích hợp giúp học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng của các môn học để giải quyết một số vấn đề phức hợp từ nội dung môn học hoặc xuất phát từ thực tiễn trong bối cảnh cụ thể nhằm phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù cho học sinh nhất là năng lực giải quyết vấn đề.

3.1.4. Năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp

Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Bộ giáo dục và Đào tạo, 2018) “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công hàng loạt hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể”. Giáo viên tiểu học cần phải có các năng lực khác nhau, năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp là một trong số những năng lực đó.

Tác giả Trịnh Công Sơn (2021) cho rằng: Thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp là quá trình tìm tòi, điều chỉnh, sáng tạo các tình huống tương thích với các khả năng tích hợp theo các nội dung trong dạy học ở tiểu học và sử dụng các chủ đề có được để tổ chức dạy học.

Như vậy, năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV ngành GDTH là khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức về DHTH ở tiểu học để phân tích nội dung chương trình, thiết kế bài dạy theo hướng tích hợp và tổ chức dạy học chủ đề đó phù hợp với Chương trình, học sinh và điều kiện thực tiễn ở trường tiểu học.

3.2. Các thành phần của năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp

Theo Nguyễn Thị Thanh Hiền (2020), các thành phần của năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp gồm: năng lực phân tích chương trình, lựa chọn chủ đề/nội dung tích hợp (Phân tích Chương trình, lựa chọn nội dung để đề xuất chủ đề tích hợp trong dạy học ở tiểu học; xác định mức độ tích hợp của chủ đề), Thiết kế bài dạy của chủ đề theo hướng tích hợp (xác định các vấn đề cần giải quyết; xác định mục tiêu của chủ đề; thiết kế các hoạt động dạy học; lựa chọn các phương pháp dạy học; thiết kế học liệu dạy học; lựa chọn các phương án đánh giá), Tổ chức dạy học chủ đề tích hợp (Kích thích thái độ học tập tích cực của người học; liên hệ nội

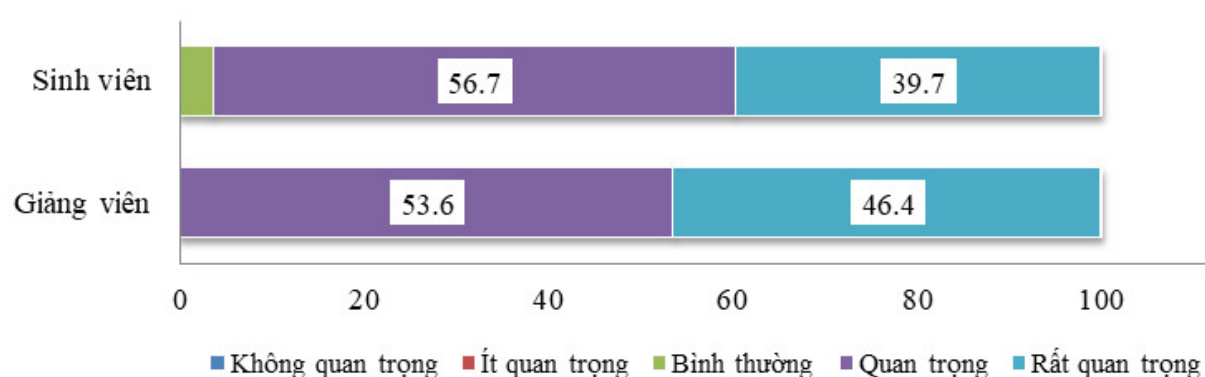
dung bài học mới với kinh nghiệm đã có của HS; xử lý các tình huống sư phạm trong DHTH; vận dụng các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích hợp; ứng dụng công nghệ thông tin trong DHTH; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng tích hợp). Khảo sát trong bài viết này dựa trên các thành phần năng lực trên đây.

3.2. Thực trạng năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học Trường Đại học Tây Nguyên

3.2.1. Nhận thức của giảng viên và sinh viên về dạy học tích hợp

a. Nhận thức của giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của dạy học tích hợp

Kết quả khảo sát là: 100% GV và 96,4% SV



Hình 1. Đánh giá của GV và SV về tầm quan trọng của dạy học tích hợp

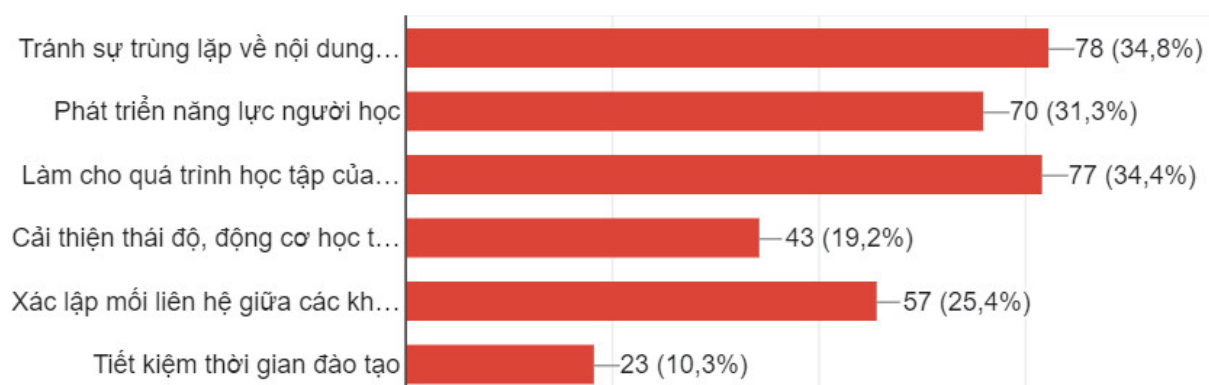
b. Nhận thức của sinh viên về mục tiêu của dạy học tích hợp

GV giảng dạy các học phần chuyên ngành khẳng định, DHTH hướng tới nhiều mục tiêu, trong đó mục tiêu quan trọng nhất là phát triển năng lực học sinh có nghĩa là DHTH góp phần thực hiện mục tiêu chương trình mới 2018.

Kết quả khảo sát SV về mục tiêu của DHTH, SV cho rằng: DHTH để tránh trùng lặp kiến thức (34,8%); phát triển năng lực học sinh (31,3%), làm cho quá trình học tập trở nên có ý nghĩa (34,4%). Điều này cho thấy SV đã hiểu được tầm quan trọng của DHTH. Tuy nhiên, vẫn còn một số SV chưa

đánh giá DHTH quan trọng và rất quan trọng. Nhận thức đúng được vai trò của DHTH là cơ sở để SV hình thành thái độ và hành vi đối với việc tự trau dồi kiến thức, lập kế hoạch nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng các chủ đề tích hợp của bản thân. Đối với GV với vai trò chủ đạo trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp nâng cao khả năng DHTH của SV vì vậy, việc nhận thức đúng vai trò của DHTH sẽ giúp GV có kế hoạch để lựa chọn cách thức tổ chức phù hợp. Một số SV năm thứ 2 (chiếm 3.6%) chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của DHTH, vì các em đang học các học phần đại cương, chưa được tiếp cận với các kiến thức chuyên ngành. Hình 1 dưới đây mô tả nhận thức của GV và SV về tầm quan trọng của DHTH.

nhận thức được đầy đủ mục tiêu này, nhất là SV năm thứ 2. Qua trao đổi với SV thì được biết, phần lớn SV tiếp cận xu hướng DHTH qua các học phần chuyên ngành và từ tài liệu giảng viên cung cấp, SV chưa chủ động tìm kiếm kiến thức qua các kênh thông tin khác như các phương tiện truyền thông, các tài liệu của thư viện... Với kết quả này, khi thiết kế Chương trình đào tạo cần cho SV tiếp cận sớm các học phần chuyên ngành, xen kẽ với các học phần đại cương để SV làm quen dần với các kiến thức chuyên ngành. Kết quả khảo sát SV về mục tiêu của dạy học tích hợp được biểu diễn ở hình 2 dưới đây:



Hình 2. Nhận thức của SV về mục tiêu của dạy học tích hợp

3.2.2. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên ngành giáo dục tiểu học

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt giữa đánh giá của GV so với tự đánh giá của SV về năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp, cụ thể: SV tự đánh giá cao hơn so với mức đánh giá của GV. Tuy có thang điểm khác nhau (dao động từ 2.75 đến 3.02) nhưng cùng thứ bậc với nhau (mức bình thường). Trong đó, cả GV và SV đều đánh giá cao về khả năng đáp ứng của SV ở thành tố: (1) Khả năng phân tích chương trình để lựa chọn chủ đề tích hợp (2) Xác định mức độ tích hợp (3) Thiết kế và sử dụng các học liệu dạy học (4) Liên hệ kiến thức trong sách vở và thực tiễn địa phương. Đánh giá thấp hơn mức độ thực hiện

nhiệm vụ: (1) Lựa chọn/xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích hợp. (2) Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích hợp (3) Xác định được mục tiêu của chủ đề. Kết quả này cho thấy, SV ngành Giáo dục tiểu học đã có hiểu biết nhất định về lí luận dạy học tích hợp nhưng mức độ thực hiện chưa cao đặc biệt là những bước có tính “then chốt” quyết định hiệu quả của việc thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp như: xác định mục tiêu và đánh giá kết quả học tập. Với kết quả đó, chúng tôi thấy rất cần có những biện pháp phù hợp để SV thực hiện tốt nhiệm vụ thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp. Bảng dưới đây mô tả mức độ thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV ngành Giáo dục tiểu học theo đánh giá của GV và SV.

Bảng 1. Đánh giá của GV và SV về năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV

Thành tố/Tiêu chí	Giảng viên			Sinh viên		
	ĐTB	Độ lệch chuẩn	ThB	ĐTB	Độ lệch chuẩn	ThB
Kĩ năng phân tích chương trình, lựa chọn chủ đề/nội dung tích hợp						
1- Phân tích chương trình, lựa chọn nội dung để đề xuất chủ đề tích hợp trong DH ở tiểu học	3.00	.8909	2	2.89	.8799	2
2- Xác định mức độ tích hợp của chủ đề	3.01	.8523	1	3.00	.8808	1
Thiết kế bài dạy của chủ đề theo hướng tích hợp						
3- Xác định được các vấn đề cần giải quyết trong chủ đề	2.98	.7605	2	3.01	.8575	2
4- Xác định được mục tiêu của chủ đề	2.84	.8059	6	2.92	.9055	5
5- Thiết kế hoạt động DH cụ thể và lập kế hoạch bài dạy chủ đề tích hợp	2.92	.7891	4	3.00	.8678	3
6- Lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp trong DHTH	2.95	.8104	3	3.02	.8673	1
7- Thiết kế và sử dụng học liệu dạy học (phiếu học tập, bảng biểu, tờ mô tả công việc...	2.99	.8091	1	3.01	.8053	2
8- Lựa chọn/ xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá trong DHTH	2.87	.8324	5	2.99	.8468	4
Tổ chức dạy học chủ đề tích hợp trên lớp						
9- Kích thích thái độ học tập tích cực của người học	2.90	.8230	1	2.97	.8571	5
10- Liên hệ nội dung bài học mới với kinh nghiệm đã có của HS	2.88	.7486	2	3.01	.7566	2
11- Liên hệ kiến thức trong sách vở và thực tiễn địa phương	2.90	.7953	1	3.05	.7859	1
12- Xử lí các tình huống sư phạm trong DHTH	2.85	.8076	4	2.99	.8573	4
13- Vận dụng các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích hợp	2.87	.8324	3	3.00	.8443	3
14- Ứng dụng công nghệ thông tin trong DHTH	2.75	.9108	6	2.87	.8203	7
15- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng tích hợp	2.80	.8443	5	2.88	.8453	6

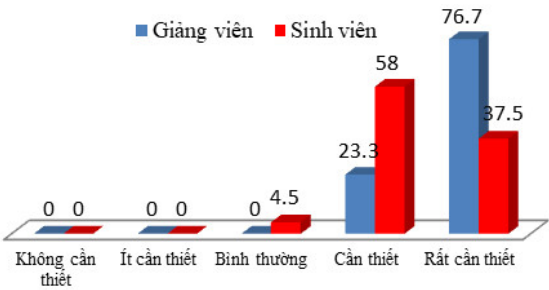
Bảng 2. Phân vùng mức độ thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV

Điểm ĐG	Phân vùng	Điểm đánh giá	Phân vùng	Điểm đánh giá	Phân vùng
$1,0 \div < 2,2$	Hoàn toàn không đáp ứng	$2,8 \div < 3,2$	Bình thường	$3,8 \div < 5,0$	Đáp ứng tốt
$2,2 \div < 2,8$	Không đáp ứng	$3,2 \div < 3,8$	Đáp ứng		

Kết quả khảo sát cho thấy GV và SV đều đánh giá các mức độ thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV ở mức độ trung bình, mức độ đáp ứng dao động từ 2.75 đến 3.05. Nhìn vào thứ bậc của các tiêu chí dường như có sự khác biệt nhất là tiêu chí “Kích thích thái độ học tập tích cực của người học” GV đánh giá điểm trung bình là 2.9 (thứ bậc 1), SV lại đánh giá mức trung bình là 2.97 (thứ bậc 5). Sở dĩ là do điểm trung bình đánh giá của hai đối tượng GV và SV không có sự khác biệt nhiều ở các tiêu chí. Hơn nữa cả GV và SV đánh giá năng lực ở mức độ trung bình (trừ tiêu chí “Ứng dụng công nghệ thông tin trong DHTH” GV đánh giá mức không đáp ứng với điểm trung bình 2.75). Kết quả đánh giá này sẽ cung cấp thông tin cần thiết để bản thân SV biết được năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của bản thân. GV cũng biết mình cần làm gì trong khi giảng dạy các học phần chuyên ngành để nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV.

3.2.3. Đánh giá của giảng viên và tự đánh giá của sinh viên về thực trạng rèn luyện kỹ năng thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên

a. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về sự cần thiết phải rèn luyện kỹ năng thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho sinh viên



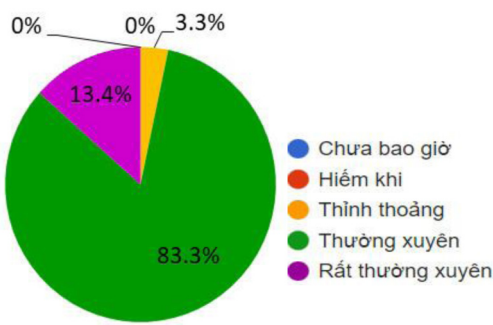
Hình 3. Đánh giá của GV và SV về sự cần thiết phải nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng CDTH

Biểu đồ trên cho thấy 100% GV và 95.5% SV được hỏi khẳng định rất cần thiết và cần thiết về việc phải nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV ngành Giáo dục tiểu học. Một số ít SV chiếm 4.3% chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc này là những SV năm thứ 2 đang học các học phần đại cương, chưa tiếp cận với các học phần chuyên ngành. Kết quả phỏng vấn GV cho thấy, các lí do mà GV thấy cần thiết

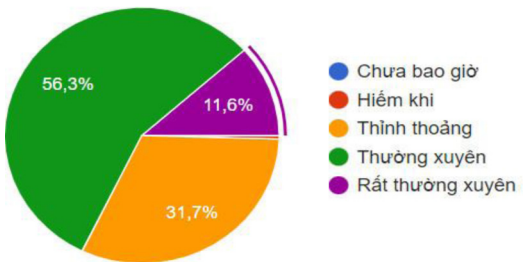
phải nâng cao hiệu quả thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV ngành Giáo dục tiểu học là: Sự biến đổi của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, xuất phát từ ý nghĩa của dạy học tích hợp và từ vị trí, đặc điểm của dạy học ở tiểu học; đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đại học ngành Giáo dục tiểu học; đáp ứng xu hướng đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục ở đại học. Như vậy, GV thấy được những lí do cần thiết phải nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV ngành Giáo dục tiểu học.

b. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về thực trạng nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên

Muốn nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV thì GV và SV đều có vai trò quan trọng. Trong đó, GV giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn và đánh giá còn SV phải tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập, tự đánh giá mức độ thực hiện của bản thân để có những điều chỉnh sau mỗi hoạt động. Biểu đồ sau đây đánh giá mức độ rèn luyện của SV theo đánh giá của GV và tự đánh giá của SV.



Hình 4. Đánh giá của GV về thực trạng nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng CDTH của SV



Hình 5. SV tự đánh giá về thực trạng nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng CDTH

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá của GV và SV về mức độ rèn luyện để

nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV ngành Giáo dục tiểu học. Có 96.7% SV tự đánh giá rất thường xuyên và thường xuyên rèn luyện, trong khi đánh giá này của GV là 67.7%. Sở dĩ có sự chênh lệch này là do GV đánh giá mức độ rèn luyện của SV trong tất cả các hoạt động học tập của học phần, trong khi SV đánh giá mức độ rèn luyện qua các bài tập/nhiệm vụ GV giao. Ngoài ra, còn 31.7% và 0.4% theo đánh giá của GV và SV chưa tích cực tham gia rèn luyện để nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp đây là những SV năm thứ 2 và thứ 3, các em chưa tiếp cận nhiều với chương trình giáo dục phổ

thông 2018, chưa được học các học phần chuyên ngành. Ngoài ra, cũng có một số ít bạn chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của DHTH hợp nên chưa chú tâm vào việc tự học tập, rèn luyện.

c. Các hình thức dạy học được giảng viên sử dụng để nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên

Chúng tôi đã hỏi GV và SV về hiệu quả của 9 hình thức dạy học trong việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV. Mức độ hiệu quả của các hình thức được GV và SV đánh giá như sau:

Bảng 3. Các hình thức dạy học được GV sử dụng để nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV

Hình thức dạy học	Giảng viên		Thứ bậc	Sinh viên		Thứ bậc
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	
1. Dạy học vi mô	4.4	.62146	1	3.8	.7651	1
2. Dạy học theo lớp	3.8	.76112	5	3.6	.6796	3
3. Dạy học theo nhóm	4.3	.53498	2	3.8	.6658	1
4. Dạy học dự án	4.3	.74971	2	3.7	.7192	2
5. Dạy học khám phá	4.1	.77608	3	3.8	.6986	1
6. Thực tập sư phạm	3.8	.83391	5	3.3	.6825	6
7. SV tự học	3.9	.84486	4	3.4	.7501	5
8. Xem băng mẫu	3.9	.94989	4	3.5	.7146	4
9. Mời giáo viên tiểu học dạy mẫu	4.3	.66089	2	3.6	.7228	3

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy GV đã vận dụng rất nhiều hình thức dạy học khác nhau để nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV ngành Giáo dục tiểu học. Cả 9 hình thức mà chúng tôi đề cập đều có điểm trung bình từ 3.80 trở lên đối với GV và 3.30 trở lên đối với SV. Cả GV và SV đều đánh giá cao các hình thức: Dạy học vi mô, giáo viên tiểu học dạy mẫu, dạy học dự án và dạy học khám phá. Trao đổi với một số GV và SV thì thấy rằng, việc sử dụng hình thức vi mô vừa dễ áp dụng hơn nữa SV có thể rèn luyện cá nhân kết hợp với hình thức làm việc nhóm. Đối với hình thức dạy học dự án, mặc dù

GV tốn thời gian cho việc chuẩn bị nội dung cũng như giám sát việc thực hiện dự án của SV nhưng áp dụng hình thức này SV không chỉ rèn luyện được kỹ năng thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp mà còn phát triển được năng lực giải quyết vấn đề và tự học.

d. Thực trạng đánh giá kết quả của việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên

Để đánh giá kết quả của việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV, chúng tôi đã khảo sát GV và SV về những hình thức kiểm tra, đánh giá sau:

Bảng 4. Thực trạng đánh giá kết quả nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV

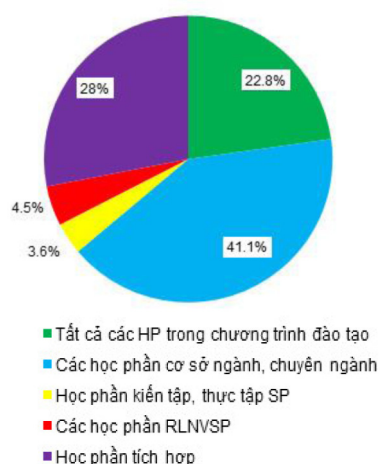
Các hình thức đánh giá	Giảng viên		Thứ bậc	Sinh viên		Thứ bậc
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	
1. Kiểm tra tự luận	4.3	.83666	1	3.5	.7923	2
2. Kiểm tra thực hành	4.0	.73968	2	3.6	.7181	1
3. Trắc nghiệm khách quan	3.6	.96431	5	3.2	.7963	4
4. Kiểm tra vấn đáp	4.0	.58329	2	3.4	.8235	3

Các hình thức đánh giá	Giảng viên		Thứ bậc	Sinh viên		Thứ bậc
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	
5. Hồ sơ học tập	3.5	.77608	6	3.2	.8663	4
6. Quan sát	4.0	1.16511	2	3.6	.7944	1
7. SV tự đánh giá	3.9	.90719	3	3.5	.8035	2
8. Đánh giá đồng đẳng	3.8	.88992	4	3.4	.8271	3

Kết quả ở bảng trên đã khẳng định rằng: GV đã sử dụng nhiều hình thức đánh giá khác nhau. Trong đó, hình thức kiểm tra tự luận với điểm trung bình là 4.30 (GV) và 3.5 là của sinh viên. Tiếp đến là hình thức kiểm tra thực hành với điểm trung bình là 4.00 theo đánh giá của GV và 3.6 của SV. Đối tượng đánh giá không chỉ GV mà mở rộng đối tượng đánh giá là SV. SV được tự đánh giá kết quả của bản thân và đánh giá các thành viên khác. Nhờ vậy kết quả đánh giá không chỉ đảm bảo khách quan và tin cậy mà còn kích thích động cơ và hứng thú học tập của SV.

3.2.4. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về hiệu quả của chương trình đào tạo đối với việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho sinh viên

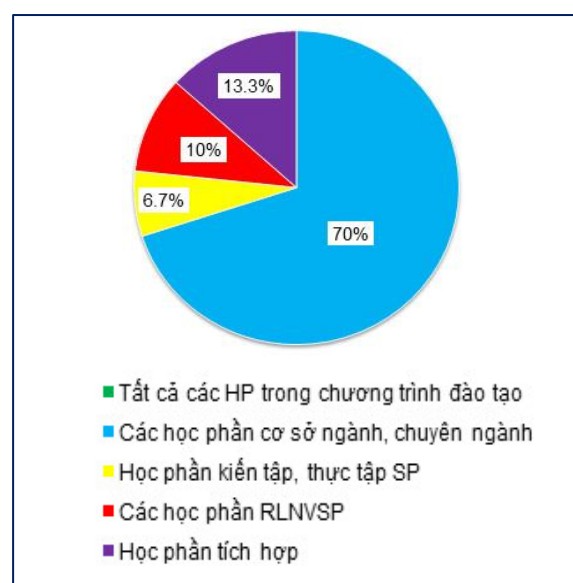
a. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về vai trò của các học phần trong chương trình đào tạo



Hình 6. Đánh giá của SV về vai trò của các học phần

Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên được cấu trúc gồm những học phần đại cương, học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm. Có sự khác biệt trong đánh giá của GV và SV về vị trí các học phần trong việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV. 70% GV đánh giá cao vai trò của các học phần chuyên ngành và cơ sở ngành. Tiếp đến là vai trò của học phần tích hợp có 13.3% GV lựa chọn. Có 41.1% SV lựa chọn các học phần chuyên ngành và cơ sở ngành, 22.8% lựa chọn học phần tích

hợp. Trong thực tế, GV đã hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên thiết kế và sử dụng các chủ đề theo đặc trưng của từng học phần. Tuy nhiên do SV chưa nắm bản chất của DHTH nên chưa xác định đúng vị trí vai trò của các học phần trong việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp.



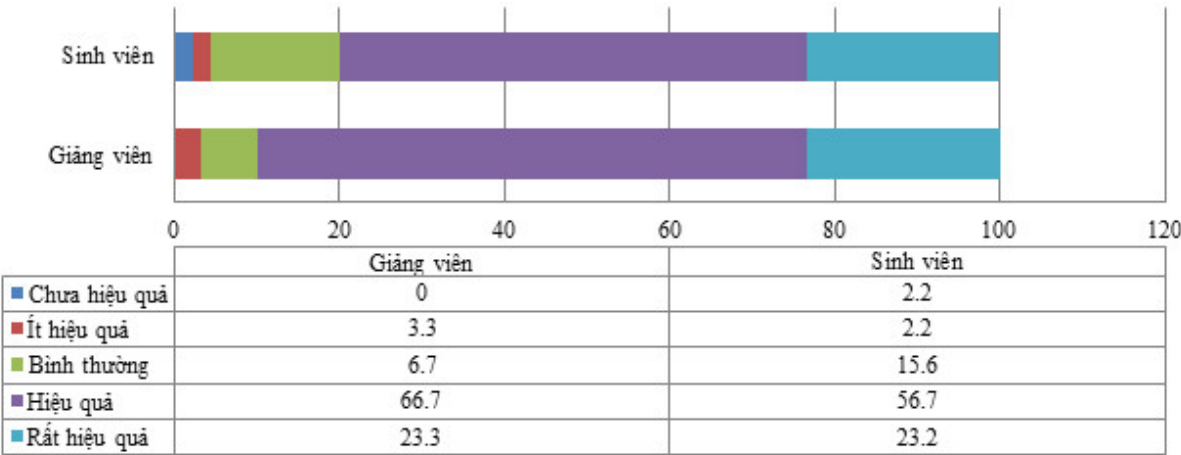
Hình 7. Đánh giá của GV về vai trò của các học phần

b. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về hiệu quả của chương trình đào tạo

Khi đánh giá mức độ hiệu quả của chương trình đào tạo với việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV, kết quả đánh giá của GV và SV như sau: Có 90% GV và 79.9% SV đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học có hiệu quả để nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV. Trong thực tế, ngoài học phần “Dạy học tích hợp ở trường tiểu học” (2 tín chỉ) các học phần phương pháp dạy học các môn học cụ thể, học phần Phân tích và phát triển chương trình tiểu học, các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và kiến tập, thực tập sư phạm đều giúp SV có kiến thức lí luận, thực hành thiết kế và sử dụng các chủ đề tích hợp. Phỏng vấn những SV đánh giá chương trình đào tạo chưa hiệu quả chúng tôi nhận thấy những SV này đã được thực hành thiết kế các chủ đề/nội dung dạy học ở một số học phần chuyên ngành nhưng khả năng huy

động, phối hợp và vận dụng và dịch chuyển kiến thức, kỹ năng còn hạn chế. Chính vì vậy SV mới nhận định chương trình chưa hiệu quả, chưa có sự kết nối kiến thức giữa các học phần nhất là các học phần chuyên ngành. Với vấn đề này, chúng tôi nhận thấy cần phải làm tốt hơn nữa công tác tư vấn

cho SV đầu khóa học, đầu các năm học và từng học kỳ, đặc biệt GV trong quá trình giảng dạy cần cung cấp tài liệu cũng như chỉ ra mối liên hệ giữa các học phần để sinh viên liên hệ, tận dụng để tiết kiệm thời gian đồng thời thấy được vai trò của các học phần trong chương trình đào tạo.



Hình 8. Đánh giá của GV và SV về hiệu quả của Chương trình đào tạo đối với việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng CNTT

3.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

yếu tố nhà trường, nhóm yếu tố GV và nhóm yếu tố SV có ảnh hưởng đến việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV. Kết quả thu được như sau:

Ba nhóm yếu tố được chúng tôi đặt ra là: nhóm

Bảng 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

STT	Các yếu tố	Giảng viên		Thứ bậc	Sinh viên		Thứ bậc
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	
Nhóm yếu tố nhà trường							
1	Nội dung, chương trình các học phần thực hành trong CTĐT	3.9	.95953	2	3.6	.7418	2
2	Sự phối hợp giữa trường đại học với trường tiểu học	4.0	.82728	1	3.7	.7825	1
3	Số lượng SV trong một lớp	3.7	.92227	4	3.5	.7634	3
4	Cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà trường	3.8	.91287	3	3.6	.7386	2
Nhóm yếu tố giảng viên							
1	Nhận thức của GV về vai trò của các học phần thực hành đối với việc nâng cao kỹ năng thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp	4.0	.83045	1	3.7	.8309	2
2	Năng lực DHTH của GV	3.9	.98027	2	3.8	.8496	1
3	Sự quan tâm của giáo viên tại các trường tiểu học trong việc hướng dẫn soạn và thực hiện bài dạy TH	3.8	.93710	3	3.6	.7995	3
4	Sự đánh giá động viên, khuyến khích của giảng viên	3.8	.86037	3	3.6	.7899	3
Nhóm yếu tố sinh viên							
1	Động cơ, lý tưởng, hứng thú nghề nghiệp của SV	4.2	.78523	2	4.0	.7833	2

STT	Các yếu tố	Giảng viên			Sinh viên		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
2	Tính tích cực, tự giác trong học tập của sinh viên	4.2	.80527	2	4.1	.7788	1
3	Ý chí khắc phục khó khăn trong học tập	4.3	.66134	1	3.9	.8005	3
4	Phương pháp học tập của SV	4.3	.70245	1	4.1	.8022	1
5	Nhận thức của SV về nâng cao kỹ năng thiết kế và sử dụng CĐTH	4.1	.79123	3	4.0	.7361	2
6	Nhận thức của SV về vai trò của việc tự học đối với việc nâng cao kỹ năng thiết kế và sử dụng CĐTH	4.2	.71438	2	4.0	.7597	2

Bảng 5 cho thấy: Nhóm yếu tố SV ảnh hưởng nhất đến việc nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV với điểm trung bình đánh giá của cả GV và SV dao động từ 4.0 đến 4.3. Nhóm yếu tố nhà trường và GV dường như không có sự khác biệt nhiều về điểm trung bình đánh giá. Kết quả này cũng hoàn toàn hợp lý vì muốn việc nâng cao năng lực thì bản thân mỗi SV phải luôn nỗ lực và cố gắng. Các yếu tố khác chỉ góp phần giúp cho quá trình rèn luyện được tiến hành thuận lợi và tiết kiệm thời gian. Với đánh giá này, chúng tôi thấy rất cần thiết phải để SV nhận thức rõ vai trò của cá nhân quyết định kết quả học tập đồng thời có biện pháp kích thích động cơ và hứng thú học tập của SV. Có như vậy quá trình học tập, rèn luyện đạt kết quả như mong muốn.

3.2.6. Đánh giá chung về thực trạng

DHTH là xu hướng được nhiều nước trên thế giới quan tâm, trong đó có Việt Nam. Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học năm 2018 chú trọng đến DHTH và coi đây là yêu cầu bắt buộc khi thực hiện chương trình. Bởi vậy, cả GV và SV đều nhận thức được tầm quan trọng của DHTH và sự cần thiết phải DHTH ở trường tiểu học đối với quá trình học tập ở đại học cũng như hoạt động nghề nghiệp tương lai, từ đó dần thay đổi phương pháp học ở đại học theo hướng phát huy tính tích cực, độc lập trong quá trình tự học, tự nghiên cứu.

Năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV ngành Giáo dục tiểu học còn hạn chế, chỉ ở mức độ trung bình. SV gặp khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ: Lựa chọn/ xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích hợp. (2) Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích hợp (3) Xác định được mục tiêu của chủ đề. Quá trình bồi dưỡng năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cho SV chưa đồng bộ và thống nhất giữa các học phần chuyên ngành mà phần nhiều còn phụ thuộc vào quan niệm và thể mạnh của GV.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng

cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp nên GV cũng đã có biện pháp cần thiết là giao nhiệm vụ học tập cho SV thực hiện. Tuy nhiên, do một số yếu tố khách quan đặc biệt là thời gian nên GV thường giao các nhiệm vụ theo nhóm, việc góp ý, chỉnh sửa còn mang tính đại diện nên một số SV còn có tâm lý ỷ lại cho các thành viên khác trong nhóm. Vì vậy, để việc đào tạo có hiệu quả cũng cần có biện pháp khắc phục hiện tượng này nhất là vận dụng có hiệu quả các hình thức dạy học đang được GV và SV quan tâm như dạy học vi mô, dạy học dự án, dạy học khám phá...

Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên hiện nay có những thay đổi theo hướng cập nhật những xu thế mới của giáo dục đại học của các trường đào tạo giáo viên tiểu học trong nước. Để SV sớm tiếp cận với chuyên ngành hẹp, cần làm tốt hơn nữa công tác tư vấn, hướng dẫn thực hiện chương trình. Ngoài ra, cần phân tích rõ mối liên kết giữa các học phần chuyên ngành để sinh viên có thể tận dụng được kiến thức các học phần đã học và tiết kiệm thời gian cho GV và SV.

Để nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp cần phối hợp nhiều yếu tố đặc biệt là nhóm yếu tố nhà trường, yếu tố GV, SV... Trong đó SV vẫn là yếu tố chủ đạo nâng cao hiệu quả đào tạo. Vì vậy, trong quá trình đào tạo cần tạo động cơ, khuyến khích, động viên và tạo điều kiện để SV tự học, tự rèn luyện bằng các phương pháp và hình thức tăng cường thực hành, trải nghiệm đồng thời cũng cần có những đánh giá khách quan, công bằng tạo niềm tin và thái độ tích cực cho SV.

4. KẾT LUẬN

Dạy học tích hợp là một trong những kỹ năng cần thiết giúp SV ngành Giáo dục tiểu học thực hiện tốt hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. Bởi vậy, việc xác định được thực trạng năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp của SV ngành Giáo dục tiểu học ở Trường Đại học Tây Nguyên

là cơ sở thực tiễn để đề xuất những biện pháp phù hợp góp phần nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng chủ đề tích hợp nói riêng và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tiểu học nói chung.

CURRENT SITUATION OF SKILLS IN DESIGNING AND USING INTEGRATED TOPICS OF PRIMARY EDUCATION STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Bui Thi Tam¹, Nguyen Thi Anh Mai¹

Received Date: 20/7/2023; Revised Date: 17/9/2023; Accepted for Publication: 01/10/2023

ABSTRACT

Integration is one of the requirements of the 2018 General Education Program. Accordingly, the skill of designing and effectively using integrated topics in teaching is also an important skill of pedagogical students in general and students of Primary Education in particular. With the desire to improve the quality of training in primary education at Tay Nguyen University in the context of educational innovation. We surveyed 220 students majoring in primary education and Jrai primary education and 30 lecturers of the faculty of pedagogy about students' skills in designing and using integrated themes. The survey results showed that students and lecturers were aware of the need for integrated teaching. However, the design and use implementation level is still at an average level. Improving design skills and using integrated themes has been interested but not really effective ... This information is important for us to propose measures to train and improve this skill for students in further studies.

Keywords: *integration, integrated teaching, design and use of integrated themes, integrated teaching in primary schools.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thúy Hồng & Cao Thị Thặng (2003). *Nghiên cứu xu hướng tích hợp một số môn học khoa học tự nhiên – Khoa học xã hội trong nhà trường phổ thông ở một số nước trên thế giới*, Đề tài cấp viện C12, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam Hà Nội.
- Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo & Bùi Hiền (2012). *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
- Đinh Thị Xuân Thảo (2020). *Phát triển năng lực dạy học chủ đề tích hợp cho sinh viên sư phạm hóa học thông qua dạy học các học phần Lí luận và Phương pháp dạy học hoá học*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường ĐHSPHN.
- Bộ giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Hà Nội.
- Trịnh Công Sơn (2021). *Rèn luyện kỹ năng thiết kế và sử dụng tình huống dạy học tích hợp trong môn Toán cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục Trường ĐHSPHN
- Nguyễn Thị Thanh Hiền (2020). *Phát triển năng lực dạy học tích hợp cho sinh viên đại học ngành giáo dục tiểu học thông qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm*, Đại học sư phạm Hà Nội.
- UNESCO (1973). *New trends in integrated science teaching*, United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Bui Thi Tam; Tel: 0904471847; Email: bttam@ttn.edu.vn.